

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-3-2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Cường;

2. Bà Nguyễn Thị Nở.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 66/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 425/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 895/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/02/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Tiểu P**, sinh năm: 1987 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Vu Tuan T**, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình tố tụng, bà Trương Tiểu P - nguyên đơn trình bày:

Sau khi tìm hiểu một thời gian thì vào ngày 31 tháng 7 năm 2012, bà và ông Vu Tuan T cùng đến Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 2145 quyền số 11 ngày 31 tháng 7 năm 2012).

Sau khi kết hôn, ông Vu Tuan T quay về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, hai bên ít có thời gian liên lạc, thường xuyên phát sinh những mâu thuẫn bất hòa không thể hàn gắn được. Nhận thấy cả hai không thể tiếp tục chung sống được với nhau nữa nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông Vu Tuan T có một con chung là Vũ Hoàng L, giới tính nam, sinh ngày 25/11/2012, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Vu Tuan T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Tiểu P khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định để thông báo thời gian tổ chức các phiên hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông Vu Tuan T vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Trương Tiểu P có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời trong đơn bà giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên.

Bị đơn ông Vu Tuan T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Trương Tiểu P và ông Vu Tuan T là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh; bị đơn có nơi cư trú tại Hoa Kỳ nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trong quá trình tố tụng, ngày 11/5/2018 Tòa án đã gửi Văn bản Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án cho bị đơn ông Vu Tuan T như quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản của Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ ngày 30/11/2018 thông báo kết quả ủy thác tư pháp, theo đó Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ đã niêm yết hồ sơ ủy thác tư pháp cho ông Vu Tuan T tại trụ sở Đại sứ quán. Tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa lần thứ nhất bị đơn không có mặt nên phiên tòa phải hoãn. Đến ngày mở lại phiên tòa lần thứ hai, Tòa án không nhận được ý kiến trả lời đồng thời bị đơn không có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn như quy định tại khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 26/12/2018, nguyên đơn bà Trương Tiểu P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã cung cấp lời khai và xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện nên việc nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 2145 quyền số 11 ngày 31 tháng 7 năm 2012 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Tiểu P và ông Vu Tuan T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn bà Trương Tiểu P thì ông Vu Tuan T sinh sống, làm việc ở Hoa Kỳ còn bà ở Việt Nam nên vợ chồng không có điều kiện chung sống với nhau, có nhiều mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã làm thủ tục ủy thác tư pháp đồng thời thông báo cho ông Vu Tuan T biết yêu cầu ly hôn của bà Trương Tiểu Phụng và ngày Tòa án sẽ đưa vụ án ra xét xử nhưng không nhận được ý kiến trả lời. Điều này cho thấy ông Vu Tuan T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà Trương Tiểu P, nên dù có biện pháp nào cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trương Tiểu P và ông Vu Tuan T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà Trương Tiểu P có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Trương Tiểu P và ông Vu Tuan T có 01 con chung là trẻ Vũ Hoàng L, giới tính nam, sinh ngày 25/11/2012. Hiện bà P đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ L. Để trẻ tiếp tục phát triển ổn định thì việc giao con chung cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết.

Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Tiểu P không yêu cầu ông Vu Tuan T cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung và tài sản chung: Bà Trương Tiểu P khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trương Tiểu P phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Tiểu P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Tiểu P được ly hôn với ông Vu Tuan T.

- Về con chung: Giao trẻ Vũ Hoàng L, giới tính nam, sinh ngày 25/11/2012 cho bà Trương Tiểu P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Tiểu Phụng không yêu cầu ông Vu Tuan T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trương Tiểu P chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0048826 ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Trương Tiểu P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Ông Vu Tuan T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hậu

